

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/DSST

Ngày: 20/4/2020.

V/v tranh chấp hợp đồng tặng cho
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Châu Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962.

Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh Lợi B, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1961.

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi B, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2/ Chị Lê Thị Huỳnh N, sinh năm 2000.

Địa chỉ: ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 03/11/2019 dương lịch gia đình nguyên đơn tổ chức lễ hỏi cho anh Nguyễn Đình H và gia đình bị đơn tổ chức lễ cưới cho chị Lê Thị Huỳnh N với anh H tại nhà bị đơn, bên nguyên đơn có cho chị Như 01 lượng vàng 24k và 30.000.000 đồng để làm lễ cưới. Số vàng và tiền nêu trên do bà Lê Thị Đ trực tiếp giao cho chị Như do bà Nguyễn Thị T đại diện nhận. Dự kiến đến ngày 13/01/2020 dương lịch (19/12/2019 âm lịch) sẽ tổ chức lễ cưới (lễ rước dâu) cho anh Nguyễn Đình H và chị N tại gia đình bên nguyên đơn. Trong thời gian này anh H nhiều lần nhắn tin cho chị N mời chị N qua gia đình nguyên đơn chơi, nhưng chị N hứa nhiều lần không đến, anh H nhắn tin nói gia đình chị N lừa gia đình anh H. Bên nguyên đơn và anh H có đến nhà bị đơn để xin lỗi nhưng bị đơn không đồng ý, chị N không đồng ý tiến hành lễ cưới với anh H. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 01 lượng vàng 24k và 30.000.000 đồng. Bị đơn có trả lại cho nguyên đơn 01 lượng vàng 24k còn số tiền 30.000.000 đồng vẫn chưa trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng.

Nguyên đơn Lê Thị Đ đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Văn H.

Bị đơn Lê Văn H trình bày: Vào ngày 03/11/2019 dương lịch gia đình ông có tổ chức lễ cưới cho chị Lê Thị Huỳnh N và anh Nguyễn Đình H, tại lễ cưới bên nguyên đơn có cho chị N 01 lượng vàng 24k và số tiền 30.000.000 đồng để làm lễ cưới do bà Nguyễn Thị T đại diện nhận từ bà Lê Thị Đ trao, trong đó có 5.000.000 đồng cho chị N chải đầu cưới và sắm quần áo, còn 25.000.000 đồng để làm lễ cưới. Sau lễ cưới anh H nhiều lần nhắn tin mời chị N đến nhà anh H, nhưng chị N từ chối hẹn lại, thì anh H có những tin nhắn nói không cưới người con gái như chị N, gia đình chị N lừa gia đình anh H. Sau đó anh H có đến gia đình bị đơn nhận lỗi, gia đình bị đơn không đồng ý. Đến ngày 06/11/2019 âm lịch gia đình nguyên đơn cùng anh H đến gia đình bị đơn để nhận lỗi, nhưng gia đình bị đơn không đồng ý và đã trả lại cho gia đình nguyên đơn 01 lượng vàng 24k, còn số tiền 30.000.000 đồng đã chi hết cho việc làm lễ cưới. Ông Lê Văn H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn trả lại số tiền 30.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Thị T đồng ý với ý kiến của ông Lê Văn H và trình bày thêm trước ngày 06/11/2019 âm lịch nguyên đơn có đến nhà bị đơn hỏi chị N có còn thương anh H không, còn thì làm lễ cưới (lễ rước dâu), không thì không làm lễ cưới (lễ rước dâu). Số tiền 30.000.000 đồng thì đã cho chị N 5.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng đã làm lễ cưới hết. Nên bà Nguyễn Thị T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đình H trình bày: anh H và chị N quen nhau tiến tới lễ cưới ngày 03/11/2019 dương lịch tổ chức lễ cưới bên nhà chị N, gia đình anh H có cho chị Như 01 lượng vàng 24k và 30.000.000 đồng để làm lễ cưới, sau lễ cưới anh Huân nhắn tin kêu chị N qua nhà anh H chơi

nhưng chị N hẹn lại. Anh H trong lúc có rượu trong người đã nhắn tin cho chị N nói có người con gái nào như chị N không đi xuống nhà cha mẹ chồng mà không đi, như vậy anh H không chấp nhận chấm dứt đi, gia đình chị N lừa gia đình anh H sau đó anh H có đến gia đình chị N nhận lỗi. Gia đình chị N có trả lại cho gia đình anh H 01 lượng vàng 24k. Anh H đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Huỳnh N trình bày: Chị N và anh H quen biết tìm hiểu nhau đến ngày 03/11/2019 dương lịch tổ chức lễ cưới tại nhà chị N, tại lễ cưới gia đình anh H có cho chị 01 lượng vàng 24K và 30.000.000 đồng để làm lễ cưới. Sau lễ cưới thì anh H có nhắn tin mời chị N đến nhà anh H nhưng nhắn tin vào ngày thứ 6, chị N hẹn lại vào ngày chủ nhật. Anh H nhắn tin cho chị N nói mình chấm dứt nhe anh không cưới người con gái như em, bên chị N lừa gia đình anh H, anh không muốn dây dưa. Gia đình chị N đã trả lại cho gia đình anh H 01 lượng vàng 24k. Chị N không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Nguyễn Văn H và Lê Thị Đ khởi kiện bị đơn Lê Văn H và Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 30.000.000 đồng do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ trình bày: Do con trai ông bà là anh Nguyễn Đình H và chị Lê Thị Huỳnh N con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T quen biết nhau thống nhất tiến hành lễ cưới, vào ngày 03/11/2019 dương lịch thì ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ có nạp tài tiền đưa cho bên nhà ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị T tổ chức lễ cưới mời khách theo phong tục tập quán số tiền là 30.000.000 đồng, cho cô dâu là chị N 01 lượng vàng 24k, bà T là người trực tiếp nhận. Hai bên gia đình đều thừa nhận vào ngày

03/11/2019 dương lịch bên nhà trai tổ chức lễ nói, bên nhà gái tổ chức lễ cưới, phía gia đình nguyên đơn có đến cho vàng cô dâu, ăn uống, ấn định ngày rước dâu vào ngày 19/12/2019 âm lịch.

Lời trình bày Nguyễn Văn H và Lê Thị Đ này phù hợp với lời trình bày của Lê Văn H và Nguyễn Thị T với lời trình bày của anh Nguyễn Đình H và chị Lê Thị Huỳnh N về khoản thời gian nạp tài, tổ chức lễ cưới bên nhà gái và lễ ăn hỏi bên nhà trai. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất nhà gái đã trả cho nhà trai 01 lượng vàng 24k.

[3] Việc đưa vàng cưới và tiền nạp tài pháp luật không quy định đây chỉ là phong tục tập quán tại địa phương. Việc này đã phát sinh quan hệ hợp đồng tặng cho tài sản, nhưng đây không phải là hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện, mà đây là vấn đề phong tục tập quán tại địa phương và theo quy định tại Điều 116, 117, 457, 458 Bộ luật dân sự năm 2015 thì việc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ tặng cho tài sản là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Đ thừa nhận cho cô dâu Lê Thị Huỳnh N 01 lượng vàng 24k và 30.000.000 đồng để phụ nhà gái tổ chức lễ cưới, gia đình nhà gái đã dùng số tiền vào đúng mục đích có tổ chức lễ cưới tại nhà gái, nên có hiệu lực pháp luật từ thời điểm ông Nguyễn Thị T nhận tài sản thay cho cô dâu Lê Thị Huỳnh N. Việc không thể tiến hành lễ cưới và rước dâu là do lỗi của anh H, phí nguyên đơn và anh H cũng thừa nhận điều này, lỗi hoàn toàn thuộc về bên phía gia đình nguyên đơn và anh H, phía gia đình bị đơn và chị N không có lỗi. Nên yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại 30.000.000 đồng là không có căn cứ pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 116, 117, 457, 458 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại số tiền 30.000.000 đồng.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0001423 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí. Như vậy nguyên đơn phải nộp thêm 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền

án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành - tỉnh Hậu Giang.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân